IT Solution Company



TÀI LIỆU  ĐẶC TẢ YÊU CẦU PHẦN MỀM

**Web phone online - WPO**

Ngày : 14-03-202219

Phiên bản : 1.0

##### Các tác giả:

*Trần Văn Tới*

*Trần Quốc Bảo*

*Nguyễn Đình Tân*

*Lê Văn Bảo*

##### Quản trị dự án (PM): V.S.L

***Khách hàng:***

***Đ.T.T.C***

# QUẢN LÝ TÀI LIỆU

*Mục này ghi lại trạng thái của tài liệu, dùng cho việc quản lý tài liệu (Chẳng hạn, tên tài liệu, nơi lưu trữ, những tác giả, những thay đổi giữa các phiên bản…)*

### TỔNG QUAN

#### Tiêu đề Tài liệu đặc tả yêu cầu phần mềm cho dự án WPO Định danh Document.SRS-WPO

**Các tác giả Trần Văn Tới**

**Trần Quốc Bảo**

**Nguyễn Đình Tân**

**Lê Văn Bảo**

**Trạng thái tài liệu**

**Được duyệt bởi V.S.L.**

### VỊ TRÍ TÀI LIỆU

[PROJECT FOLDER]\LMS\DOCS\

**Vị trí**

**CÁC TÁC GIẢ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vai trò** | **Họ và tên** | **Thông tin liên hệ** |
| BA | Trần Văn Tới | Email: [vantoicntt06@gmail.com](mailto:vantoicntt06@gmail.com)  SĐT: 0392518760 |
| BA | Trần Quốc Bảo | Email: [zenzuro55951@gmail.com](mailto:zenzuro55951@gmail.com) |
| BA | Nguyễn Đình Tân | Email: [Tanthanhnguyen138@gmail.com](mailto:Tanthanhnguyen138@gmail.com) |
| BA | Lê Văn Bảo | Email: [Baolevan2210@gmail.com](mailto:Baolevan2210@gmail.com) |

### LỊCH SỬ THAY ĐỔI

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiên bản** | **Ngày** | **Tác tả /**  **Người chỉnh sửa** | **Tóm tắt thay đổi** |
| 0.1 | 2022-18-03 | Trần Văn Tới | Bản khởi tạo |
| 0.2 | 2022-18-03 | Trần Quốc Bảo  Nguyễn Đình Tân | Chỉnh sửa lỗi chính tả |
| 1.0 | 2022-18-03 | Lê Văn Bảo | Được chấp thuận bởi V.S.L. |

**CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tài liệu** | **Vị trí** |
|  |  |

# NỘI DUNG

Contents

[QUẢN LÝ TÀI LIỆU 2](#_Toc98593414)

[TỔNG QUAN 2](#_Toc98593415)

[VỊ TRÍ TÀI LIỆU 2](#_Toc98593416)

[LỊCH SỬ THAY ĐỔI 2](#_Toc98593417)

[NỘI DUNG 4](#_Toc98593418)

[**1** **GIỚI THIỆU** 5](#_Toc98593419)

[1.1 Mục đích 5](#_Toc98593420)

[1.2 Danh sách các định nghĩa và từ viết tắt 5](#_Toc98593421)

[1.3 Tài liệu tham khảo 5](#_Toc98593422)

[2 TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG 5](#_Toc98593423)

[2.1 Bối cảnh của hệ thống 5](#_Toc98593424)

[2.2 Chức năng chính của hệ thống 6](#_Toc98593425)

[2.3 Mô tả người dùng 6](#_Toc98593426)

[3 ĐẶC TẢ YÊU CẦU 8](#_Toc98593427)

[PHỤ LỤC: CÁC MÔ HÌNH PHÂN TÍCH 22](#_Toc98593428)

1. **GIỚI THIỆU**

### Mục đích

*Mô tả mục đích của tài liệu này*

Tài liệu này mô tả những yêu cầu người dùng cho dự án WPO. Đây là dự án nhằm xây dựng hệ thống quản lý, đáp ứng yêu cầu người dùng trong và ngoài nước.

Những yêu cầu này là kết quả của quá trình thảo luận giữa công ty IT Solution và phía khách hàng. Tất cả những yêu cầu được liệt kê ở những phần sau sẽ được thực hiện bởi IT Solution. Bất cứ sự thay đổi nào đối với những yêu cầu trong tài liệu này đều phải được chấp thuận bởi hai bên.

### Danh sách các định nghĩa và từ viết tắt

*Mục này định nghĩa các thuật ngữ, từ viết tắt được sử dụng trong hệ thống.*

#### Các định nghĩa

**IT Solutions** Công ty chịu trách nhiệm phát triển hệ thống WPO.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.2.2** | **Các từ viết tắt** |  |
| **SRS** |  | **Software Requirements Specification** |
| **WPO** |  | **Web Phone Online** |

### Tài liệu tham khảo

## TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG

*Mục này trình bày tổng quan về hệ thống sẽ xây dựng, mối quan hệ của hệ thống này với các hệ thống khác.*

### Bối cảnh của hệ thống

#### Product Perspective

*Mô tả ngữ cảnh của sản phẩm. Đây là sản phẩm mới hoàn toàn, hay sản phẩm thay thế cho hệ thống cũ, hay là một phần trong một hệ thống lớn.*

*Biểu đồ ngữ cảnh (context diagram) có thể được sử dụng để thể hiện mục này.*

### Chức năng chính của hệ thống

#### Product Functions

*Liệt kê các chức năng chính của hệ thống.*

Hệ thống có các chức năng chính sau:

* Đăng kí
* Đăng nhập
* Xem chi tiết sản phẩm
* Thêm vào giỏ hàng
* Đặt hàng
* Đổi mật khẩu
* Quản lí loại sản phẩm
* Quản lí sản phẩm (thêm, sửa, xóa)
* Quản lí người dùng(sửa, xóa)
* Quản lí nhà cung cấp (thêm, sửa, xóa)
* Quản lí hóa đơn (Xem hóa đơn, duyệt đơn, hủy đơn, xóa đơn)

### Mô tả người dùng

*Mục này mô tả những ai sẽ sử dụng hệ thống và vai trò của họ.*

Người dùng của hệ thống bao gồm :

* Khách hàng
* Người quản trị

1. **Mô tả sơ lược**

Khách hàng muốn mua điện thoại thì vào trang web để tham khảo mặt hàng, giá cả, thông tin sản phẩm của tất cả các loại linh kiện đã được đưa lên trang web. Khi khách hàng cần mua sản phẩm nào đó thì nhấn vào biểu tượng thêm vào giỏ hàng của sản phẩm mình muốn mua. Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống để mua hàng và thanh toán. Nếu là khách hàng mới thì phải điền đầy đủ thông tin của minh vào trang đăng kí để mua hàng. Nếu thông tin hợp lệ thì hệ thống gửi thông báo đã mua hàng thành công cho khách hàng.

1. **Các chức năng chính**
2. **Đăng nhập**
3. **Chức năng**:

Giúp người dùng đăng nhập vào hệ thống

1. **Mô tả:**

Người dùng truy cập vào hệ thống và đăng nhập tài khoản hợp lệ đã đăng kí trong hệ thống

1. **Đăng kí**
2. **Chức năng:**

Người dùng tạo tài khoản cá nhân trong hệ thống

1. **Mô tả:**

Người dùng đăng kí tài khoản và thêm thông tin cá nhân, sau khi hệ thống kiểm tra là hợp lệ, tài khoản đó sẽ được đăng nhập ngay trong hệ thống

1. **Đặt hàng**
2. **Chức năng**

Dùng để thêm sản phẩm vào giỏ hàng hoặc mua ngay sản phẩm đó

1. **Mô tả**

Khi bấm vào sản phẩm để xem chi tiết sản phẩm sẽ có 2 lựa chọn đặt hàng và mua ngay, đặt hàng sẽ đưa sản phẩm đó vào giỏ hàng còn lựa chọn mua ngay sẽ chuyển ngay đến phần thanh toán với sản phẩm đó.

1. **Giỏ hàng**
2. **Chức năng**

Lưu trữ các sản phẩm mà người dùng dự định mua

1. **Mô tả**

Đây là nơi lưu trữ các sản phẩm mà người dùng đặt hàng, trong giỏ hàng còn có chức năng nhỏ như: Thêm số lượng sản phẩm, xóa sản phẩm, xem thông tin hóa đơn

## ĐẶC TẢ YÊU CẦU

#### Specific Requirements

##### Có thể tổ chức mục Đặc tả yêu cầu theo:

* *Loại người dùng (user classes)*
* *Theo nhóm chức năng (system features)*
* *…*

*tùy thuộc vào dự án.*

##### Việc đặc tả yêu cầu có thể thực hiện theo các hướng tiếp cận như:

* *Cách 1: Sử dụng đặc tả yêu cầu truyền thống*
* *Cách 2: Sử dụng use cases*



**Cách 2: Sử dụng Use cases**

1. **Đặc tả ca sử dụng đăng nhập tài khoản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-01 |
| **Tên Use case** | Đăng nhập tài khoản |
| **Tác nhân (Actor)** | Người dùng |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | Cho phép người dùng tạo tài khoản và truy cập vào hệ thống với tài khoản đó. |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Tài khoản của người dùng đã được đăng kí * Thiết bị truy cập vào trang web đã được kết nối internet |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Người dùng đã được đăng nhập vào hệ thống |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Người dùng đã đăng kí tài khoản |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Người dùng chọn nút đăng nhập ở trang chủ 2. Hệ thống phản hồi đưa ra giao diện đăng nhập gồm có:  * Hai ô textbox tài khoản và mật khẩu * Ô mật khẩu phải được mã hóa (\*) * Một đường link đăng kí tài khoản mới? * Một button đăng nhập  1. Người dùng nhập tài khoản với mật khẩu hiện có 2. Người dùng nhấn nút đăng nhập 3. Hệ thống thực hiện chức năng đăng nhập xác nhận thông tin chuyển sang màn hình chính |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 3 :   1. Người dùng không nhập nội dung ở 2 ô tài khoản và mật khẩu:  * Hệ thống hiển thị thông báo « Vui lòng nhập đầy đủ thông tin ở trường này! »  1. Người dùng nhập đầy đủ thông tin ở 2 ô tài khoản và mật khẩu:  * Hệ thống hiển thị thông báo « Mật khẩu không đúng. Vui lòng xin kiểm tra lại! » |

1. **Đặc tả ca sử dụng đăng kí**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-03 |
| **Tên Use case** | Đăng kí tài khoản |
| **Tác nhân (Actor)** | Khách hàng |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | Cho phép khách hàng đăng ký tài khoản trên hệ thống |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Khách hàng phải có sử dụng 1 tài khoản Email |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Khách hàng đã được đăng kí tài khoản |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Khách hàng muốn đăng kí tài khoản |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Khách hàng chọn button đăng kí ở trang chủ 2. Hệ thống đưa ra giao diện đăng kí gồm có:  * 2 ô textbox Họ và tên, Email, * 2 ô textbox Mật khẩu, Nhập lại mật khẩu được mã hóa (\*) * Một đường link « Bạn đã có tài khoản? » * Một button đăng kí  1. Khách hàng nhập thông tin đăng kí 2. Khách hàng nhấn nút đăng kí 3. Hệ thống thực hiện chức năng đăng kí và chuyển đến trang đăng nhập |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 3:   1. Khách hàng không nhập đầy đủ dữ liệu  * Hệ thống hiển thị thông báo « Không được để trống ở trường này» và trỏ con chuột đến vị trí ô còn thiếu thông tin.  1. Khách hàng nhập thông tin đầy đủ:  * Hệ thống đưa ra thông báo « Mật khẩu và nhập lại mật khẩu không khớp » |

1. **Đặc tả ca sử dụng xem sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-02 |
| **Tên Use case** | Xem chi tiết sản phẩm |
| **Tác nhân (Actor)** | Người dùng |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | Cho phép người dùng xem các sản phẩm của trang web |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người dùng phải truy cập vào trang web |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Người dùng đã xem được sản phẩm |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Người dùng muốn xem sản phẩm |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Người dùng truy cập vào trang web 2. Hệ thống hiển thị 1 số sản phẩm tiêu biểu ở trang chủ, thông tin của một sản phẩm gồm có:  * Hình , tên , giá, số lượng sản phẩm hiện có  1. Người dùng click vào hình ảnh bất kì trên trang chủ  * Hệ thống thực hiện chuyển sang trang chi tiết sản phẩm |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** |  |

1. **Đặc tả ca sử dụng giỏ hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-04 |
| **Tên Use case** | Giỏ hàng |
| **Tác nhân (Actor)** | Khách hàng |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | Nơi lưu trữ các sản phẩm mà người dùng dự định mua |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Khách hàng đã được xem giỏ hàng |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Khách hàng click vào button giỏ hàng ở trang chủ 2. Hệ thống phản hồi đưa ra giao diện gồm có:   - Lable tên giao diện  - 1 bảng gồm các cột: sản phẩm, giá, tạm tính  + Một textbox nhập số lượng  + Mỗi sản phẩm trong giỏ hàng đều đi kèm một button xóa (X)  + Một button tiếp tục xem sản phẩm  + Một button cập nhật giỏ hàng  - Một bảng cộng giỏ hàng gồm có:  + Lable cộng giỏ hàng  + Lable tạm tính + giá  + Lable tổng tiền + giá  + Một button đặt hàng |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 2:   1. Khách hàng bấm vào button xóa (X)  * Hệ thống phản hồi sẽ xóa sản phẩm đó ra khỏi giỏ hàng  1. Khách hàng bấm vào button tiếp tục xem sản phẩm  * Hệ thống phản hồi chuyển sang trang chủ  1. Khách hàng nhập vào ô textbox số lượng sản phẩm và bấm nút cập nhật  * Hệ thống phản hồi sẽ cập nhật lại số lượng của sản phẩm đó. |

1. **Đặc tả ca sử dụng thêm vào giỏ hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-05 |
| **Tên Use case** | Thêm vào giỏ hàng |
| **Tác nhân (Actor)** | Khách hàng |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Khách hàng có thể thêm 1 sản phẩm ở trang web vào giỏ hàng |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Khách hàng đã được thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Khách hàng bấm vào button thêm vào giỏ hàng ở trang chủ của mỗi sản phẩm  * Hệ thống phản hổi sẽ thêm sản phẩm đó vào trong giỏ hàng |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 2:   1. Khách hàng thêm sản phẩm mà sản phẩm đó đã có trong giỏ hàng  * Hệ thống phản hồi, tăng số lượng của sản phẩm đó lên  1. Khách hàng thêm sản phẩm mà sản phẩm đó đã hết trong kho  * Hệ thống đưa ra thông báo “sản phẩm đã hết. xin quý khách chọn sản phẩm khác” |

1. **Đặc tả ca sử dụng đặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-06 |
| **Tên Use case** | Đặt hàng |
| **Tác nhân (Actor)** | Khách hàng |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | Cho phép người dùng chọn và đặt sản phẩm muốn mua về |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Khách hàng đã đặt được hàng |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Khách hàng muốn đặt hàng |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Khách hàng bấm button đặt hàng ở trang giỏ hàng  * Hệ thống phản hồi đưa ra giao diện thông tin khách hàng   + Lable tên khách hàng  + Lable ngày sinh  + DatePicker chọn ngày  + Lable giới tính  + 3 cái radio button (Nam, Nữ, Không có)  + Lable địa chỉ  + Textbox nhập địa chỉ  + Lable số điện thoại  + Textbox nhập số điện thoại  + Button đặt hàng   1. Khách hàng nhập đầy đủ thông tin và bấm vào button đặt hàng  * Hệ thống phản hồi đặt hàng thành công |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 2:   1. Khách hàng nhập không đầy đủ thông tin  * Hệ thống phản hồi thông báo “Vui lòng điền vào trường này” |

1. **Đặc tả ca sử dụng đổi mật khẩu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-07 |
| **Tên Use case** | Đổi mật khẩu |
| **Tác nhân (Actor)** | Người dùng |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | Cho phép người dùng thay đổi mật khẩu |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản đã đăng kí |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Người dùng thay đổi được mật khẩu |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Người dùng muốn thay đổi mật khẩu |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Người dùng hover vào tên tài khoản đã được đăng nhập và chọn đổi mật khẩu 2. Hệ thống hiện thị giao diện đổi mật khẩu gồm có:  * Ba ô textbox: Mật khẩu hiện tại, Mật khẩu mới và nhập lại mật khẩu mới. * Một button đổi mật khẩu  1. Người dùng nhập dữ liệu vào các ô và bấm button “Đổi mật khẩu” 2. Hệ thống thực hiện chức năng đổi mật khẩu và chuyển đến trang đăng nhập |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 3:   1. Người dùng nhập không đầy đủ thông tin  * Hệ thống đưa ra thông báo «Vui lòng điền vào trường này» và trỏ con trỏ đến vị trí thông báo  1. Người dùng nhập đầy đủ thông tin  * Hệ thống đưa ra thông báo « hãy kéo dài văn bản thành 6 kí tự trở lên (hiển thị số kí tự mà người dùng đã nhập) »  1. Người dùng nhập mật khẩu cũ không có trong hệ thống  * Hệ thống đưa ra thông báo « mật khẩu cũ không đúng »  1. Người dùng nhập lại mật khẩu mới khác với mật khẩu mới  * Hệ thống đưa ra thông báo « Nhập lại mật khẩu mới không khớp, Vui lòng kiểm tra lại! » |

1. **Đặc tả ca sử dụng trang chủ khâu quản lí**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-08 |
| **Tên Use case** | Trang chủ quản lí |
| **Tác nhân (Actor)** | Quản trị viên |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị truy cập |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Tài khoản đăng nhập phải là quản trị viên |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên thêm mới được truy cập |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên chọn button quản lí ở trên menu trang chủ 2. Hệ thống chuyển sang trang quản lí 3. Giao diện gồm có:  * 1 button nhóm điện thoại * 6 tab: dashboard, loại sản phẩm, sản phẩm, quản lí đơn hàng, quản lí người dùng, quản lí nhà cung cấp * Một textbox tìm kiếm * Một Button Thoát |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 3:   1. Quản trị viên click vào button nhóm điện thoại  * Hệ thống chuyển sang trang chủ sản phẩm  1. Quản trị viên click vào dashboard  * Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ quản lí  1. Quản trị viên click vào tab quản lí loại sản phẩm  * Hệ thống hiển thị giao diện quản lí loại sản phẩm  1. Quản trị viên click vào tab sản phẩm  * Hệ thống hiển thị giao diện quản lí sản phẩm  1. Quản trị viên click vào tab quản lí đơn hàng  * Hệ thống hiển thị giao diện quản lí đơn hàng  1. Quản trị viên click vào tab quản lí người dùng  * Hệ thống hiển thị giao diện quản lí người dùng  1. Quản trị viên click vào tab quản lí nhà cung cấp  * Hệ thống hiển thị giao diện quản lí nhà cung cấp |

1. **Đặc tả ca sử dụng quản lí loại sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-09 |
| **Tên Use case** | Quản lí loại sản phẩm |
| **Tác nhân (Actor)** | Quản trị viên |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị truy cập |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Tài khoản đăng nhập phải là quản trị viên |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên được truy cập |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên chọn tab quản lí loại sản phẩm  * Hệ thống đưa ra giao diện gồm có:   + Lable tên giao diện quản lí loại sản phẩm  + 1 table gồm các trường STT, Loại sản phẩm, Tên loại sản phẩm. |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** |  |

1. **Đặc tả ca sử dụng quản lí thêm xóa sửa sản phẩm**
2. **Thêm sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-10 |
| **Tên Use case** | Thêm sản phẩm |
| **Tác nhân (Actor)** | Quản trị viên |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị thêm sản phẩm mới |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Tài khoản đăng nhập phải là quản trị viên |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên thêm mới được sản phẩm |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Quản trị viên muốn thêm mới sản phẩm |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên chọn button *quản lí sản phẩm* ở trang quản lí 2. Hệ thống hiển thị giao diện gồm các button thêm, xóa , sửa của từng sản phẩm 3. Quản trị viên nhấn button *thêm sản phẩm* 4. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm của danh mục đó   Gồm: Lable Thêm sản phẩm   * Lable tên sản phẩm * Textbox nhập tên sản phẩm * Lable tên loại sản phẩm * Combobox chọn loại sản phẩm * Lable tên nhà cung cấp * Combobox chọn nhà cung cấp * Lable giá nhập vào * Textbox nhập giá vào * Lable giá bán ra * Textbox nhập giá bán ra * Combobox giảm giá (giảm giá 10%, giảm giá 20% …) * Lable số lượng * Textbox nhập số lượng * Lable đơn vị tính * Textbox nhập đơn vị tính * Lable sản phẩm nổi bật * Checkbox chọn sản phẩm * Lable thông tin sản phẩm * Textbox nhập thông tin sản phẩm * Lable ảnh sản phẩm * Button chọn ảnh * Button save  1. Quản trị viên nhập đầy đủ thông tin của sản phẩm mới 2. Quản trị viên nhấn button *Save* 3. Hệ thống thực hiện chức năng Save và chuyển sang màn hình trang quản lí sản phẩm |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 5:   1. Quản trị viên điền không đầy đủ thông tin  * Hệ thống đưa ra thông báo « Vui lòng điền vào trường này » và trỏ con trỏ đến vị trí còn trống |

1. **Sửa sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-010 |
| **Tên Use case** | Sửa sản phẩm |
| **Tác nhân (Actor)** | Quản trị viên |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị sửa sản phẩm mới |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản có quyền quản trị viên |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên sửa được sản phẩm |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Quản trị viên muốn sửa sản phẩm |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên bấm vào button sửa sản phẩm của 1 sản phẩm cần sửa  * Hệ thống phản hồi sẽ load các dữ liệu ở sản phẩm đó qua trang giao diên thêm /sửa sản phẩm  1. Quản trị viên nhập nội dung cần sửa và bấm button save  * Hệ thống thực hiện chức năng sửa trả về màn hình xem sản phẩm ở danh mục đó |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** |  |

1. **Xóa sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-07 |
| **Tên Use case** | Xóa sản phẩm |
| **Tác nhân (Actor)** | Quản trị viên |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | Cho phép người quản trị xóa sản phẩm |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản có quyền admin |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên xóa được sản phẩm |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Quản trị viên muốn xóa sản phẩm |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên bấm vào button xóa của một sản phẩm  * Hệ thống đưa ra thông báo « Bạn có muốn xóa sản phẩm này không? »  1. Quản trị viên bấm button Ok  * Hệ thống đưa ra thông báo « Xóa sản phẩm thành công » |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 2:   1. Quản trị viên bấm button hủy  * Hệ thống trả lại và không làm gì cả |

1. **Đặc tả ca sử dụng quản lí người dùng**
2. **Sửa tài khoản người dùng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-08 |
| **Tên Use case** | Sửa thông tin tài khoản người dùng |
| **Tác nhân (Actor)** | Quản trị viên |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | Cho phép người quản trị sửa thông tin tài khoản người dùng |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản có quyền quản trị viên |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên thay đổi được thông tin tài khoản người dùng |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Quản trị viên muốn sửa tài khoản người dùng |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên bấm vào tab quản lí người dùng ở trang quản lí 2. Hệ thống đưa ra giao diện gồm có:  * Lable tên giao diện quản lí người dùng * Một table gồm các cột: Mã khách hàng, Tên khách hàng, Giới tính, Địa chỉ, số điện thoại, email * Hai button Edit và xóa  1. Quản trị viên bấm vào button Edit  * Hệ thống phản hổi lấy dữ liệu của người dùng cần sửa chuyển sang 1 giao diện sửa người dùng  1. Quản trị viên nhập nội dung cần sửa và bấm buttton save  * Hệ thống thực hiện chức năng sửa và chuyển lại giao diện trang chủ quản lí người dùng |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** |  |

1. **Xóa tài khoản người dùng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-11 |
| **Tên Use case** | Xóa tài khoản người dùng |
| **Tác nhân (Actor)** | Người quản trị |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị xóa tài khoản người dùng |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản có quyền admin |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên xóa được tài khoản của người dùng |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** | * Quản trị viên muốn xóa tài khoản người dùng |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên bấm vào button xóa ở trang quản lí tài khoản  * Hệ thống đưa đưa ra hộp thoại thông báo “Bạn có muốn xóa người dùng này không? ”  1. Quản trị viên bấm Ok  * Hệ thống đưa ra thông báo “xóa người dùng thành công” |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 2:   1. Quản trị viên bấm Hủy  * Hệ thống trả lại và không xóa dữ liêu của người dùng này |

1. **Đặc tả ca quản lí nhà cung cấp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-12 |
| **Tên Use case** | Quản lí nhà cung cấp |
| **Tác nhân (Actor)** | Người quản trị |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị truy cập vào trang quản lí nhà cung cấp |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản có quyền admin |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên đã truy cập vào trang quản lí nhà cung cấp |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên bấm vào tab quản lí nhà cung cấp  * Hệ thống đưa ra giao diện gồm có:   + Lable tên giao diện Quản lí nhà cung cấp  + Ba button thêm sản phâm, Edit, xóa  + 1 table gồm các trường stt, mã nhà cung cấp, tên nhà cung cấp, địa chỉ nhà cung cấp, số điện thoại, thông tin thêm, ngày hợp đồng |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** |  |

1. **Đặc tả ca thêm nhà cung cấp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-13 |
| **Tên Use case** | Thêm nhà cung cấp |
| **Tác nhân (Actor)** | Người quản trị |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị thêm mới nhà cung cấp |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản có quyền admin |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên đã thêm mới đươc nhà cung cấp |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên bấm vào button thêm sản phẩm ở trang quản lí nhà cung cấp  * Hệ thống phản hồi đưa ra giao diện thêm/ sửa nhà cung cấp gồm có:   + Lable tên giao diện thêm/ sửa nhà cung cấp  + Lable tên nhà cung cấp:  + Textbox nhập tên nhà cung cấp  + Lable địa chỉ nhà cung cấp  + Textbox nhập địa chỉ nhà cung cấp  + Lable số điện thoại  + Textbox nhập số điện thoại  + Lable email  + Textbox nhập thông tin email  + Lable thông tin thêm  + Textbox nhập thông tin thêm  + Lable ngày hợp đồng  + dataPicker chọn ngày  + Button save   1. Quản trị viên nhập đầy đủ thông tin và bấm button save  * Hệ thống thực hiện chức năng thêm vào nhà cung cấp và quay lại ở trang quản lí nhà cung cấp |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 2:   1. Quản trị viên không nhập đầy đủ thông tin  * Hệ thống đưa ra thông báo “vui lòng điền vào trường này” và trỏ con chuột đến vị trí ô còn trống. |

1. **Đặc tả ca sửa nhà cung cấp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-13 |
| **Tên Use case** | Sửa nhà cung cấp |
| **Tác nhân (Actor)** | Người quản trị |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị sửa nhà cung cấp |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản có quyền admin |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên đã sửa đươc nhà cung cấp |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên bấm vào button Edit ở trang quản lí nhà cung cấp  * Hệ thống phản hồi load dữ liệu của nhà cung cấp muốn sửa lên giao diện thêm sửa nhà cung cấp, giao diên gồm có:   + Lable tên giao diện thêm/ sửa nhà cung cấp  + Lable tên nhà cung cấp:  + Textbox nhập tên nhà cung cấp  + Lable địa chỉ nhà cung cấp  + Textbox nhập địa chỉ nhà cung cấp  + Lable số điện thoại  + Textbox nhập số điện thoại  + Lable email  + Textbox nhập thông tin email  + Lable thông tin thêm  + Textbox nhập thông tin thêm  + Lable ngày hợp đồng  + dataPicker chọn ngày  + Button save   1. Quản trị viên nhập thông tin cần sửa và bấm button save  * Hệ thống thực hiện chức năng sửa và cập nhật lại dữ liệu và quay lại ở trang quản lí nhà cung cấp |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** |  |

1. **Đặc tả ca xóa nhà cung cấp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-13 |
| **Tên Use case** | Xóa nhà cung cấp |
| **Tác nhân (Actor)** | Người quản trị |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị xóa nhà cung cấp ra khỏi hệ thống |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản có quyền admin |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên đã xóa đươc nhà cung cấp |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên bấm vào button xóa của nhà cung cấp cần xóa  * Hệ thống đưa ra thông báo “Bạn có muốn xóa nhà cung cấp này không? ”  1. Quản trị viên bấm button Ok  * Hệ thống đưa ra thông báo “xóa nhà cung cấp thành công.” |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 2:   1. Quản trị viên bấm button hủy  * Hệ thống phản hồi trả dữ liệu về và không làm gì cả |

1. **Đặc tả ca quản lí hóa đơn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-14 |
| **Tên Use case** | Quản lí hóa đơn |
| **Tác nhân (Actor)** | Người quản trị |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép người quản trị truy cập vào trang quản lí hóa đơn |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản có quyền admin |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Quản trị viên đã truy cập vào nhà cung cấp |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Quản trị viên bấm vào tab quản lí hóa đơn  * Hệ thống phản hồi có giao diện gồm:   + Lable tên giao diện quản lí hóa đơn  + Combobox gồm (tất cả các hóa đơn, hóa đơn đang duyệt, hóa đơn đang duyệt, hóa đơn thành công, hóa đơn đã hủy)  + 4 Button xem hóa đơn, duyệt đơn, hủy đơn, xóa đơn  + 1 table gồm các cột stt, mã hóa đơn, mã sản phẩm, tên sản phẩm, mã khách hàng, số lượng, trạng thái, ngày hóa đơn, thành tiền   1. Quản trị viên chọn loại hóa đơn và bấm button xem hóa đơn  * Hệ thống phản hổi hiển thị hóa đơn phù hợp  1. Quản trị viên bấm vào button duyệt đơn  * Hệ thống phản hồi đưa ra hộp thoại thông báo “Bạn có muốn duyệt hóa đơn này không”  1. Quản trị viên bấm ok  * Hệ thống phản hồi cập nhật lại trạng thái của hóa đơn “Thành công”  1. Quản trị viên bấm vào button hủy đơn  * Hệ thống phản hồi đưa ra hộp thoại thông báo “Bạn có muốn hủy đơn hàng này không”  1. Quản trị viên bấm ok  * Hệ thống phản hồi cập nhật lại trạng thái “Đơn đã hủy”  1. Quản trị viên bấm vào button xóa đơn  * Hệ thống phản hồi đưa ra hộp thoại “Bạn có muốn xóa hóa đơn này không?”  1. Quản trị viên bấm Ok  * Hệ thống phản hồi “Xóa thành công” |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** | Tại bước 4 :   1. Quản trị viên bấm vào button hủy  * Hệ thống trả về và không duyệt hóa đơn   Tại bước 6:   1. Quản trị viên bấm vào button hủy  * Hệ thống trả về và không hủy hóa đơn   Tại bước 8 :   1. Quản trị viên bấm vào button hủy  * Hệ thống trả về và không xóa hóa đơn |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-15 |
| **Tên Use case** | Xem chi tiết đơn hàng |
| **Tác nhân (Actor)** | Khách hàng |
| **Level** | User Goal |
| **Mô tả ngắn (Brief)** | * Cho phép khách hàng xem chi tiết đơn hàng |
| **Tiền điều kiện**  **(Preconditions)** | * Người này đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản khách hàng |
| **Kết quả**  **(Postconditions)** | * Khách hàng đã xem chi tiết đơn hàng |
| **Điều kiện kích hoạt use case**  **(Triggers – specific business event)** |  |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Main scenario, basic flow)** | 1. Khách hàng hover vào tên người dùng và chọn thông tin đơn hàng  * Hệ thống chuyển sang trang thông tin hóa đơn gồm:   +Lable tên trang chi tiết hóa đơn  +1 table gồm các cột:(Sản phẩm, số lượng, Tạm tính, trạng thái đơn hàng, thông tin đơn hàng, tổng tiền  +1 button tiếp tục mua sắm   1. Khách hàng bấm vào button tiếp tục mua sắm  * Hệ thống chuyển lại trang chủ |
| **Luồng sự kiện phụ**  **(Extensions)** |  |

*<Bổ sung các biểu đồ khác để làm rõ nghĩa hơn cho Use case nếu cần>*

* 1. **Yêu cầu phi chức năng**

#### Môi trường

* + - Hệ thống hoạt động trên hệ điều hành Windows 7 trở lên
    - Tài nguyên sử dụng cho hệ thống tương đối thấp
    - Tính bảo mật tương đối cao
    - Khả năng lưu trữ dữ liệu tốt
    - Tính sử dụng tốt 24/7 ( Hệ thống có thể được truy cập bất cứ khi nào )
    - Số lượng truy cập vào hệ thống tương đối nhiều ( ~ 500 User )
    - Yêu cầu về chính sách và pháp lí rõ ràng

#### Hiệu suất

- Chức năng tìm kiếm sản phẩm trả kết quả trong vòng tối đa 2 giây.

- Thời gian hiển thị thông tin chi tiết của một sản phẩm trong vòng tối đa 1 giây.

- Thời gian chuyển từng page hoặc cái list menu tương đối nhanh

# PHỤ LỤC: CÁC MÔ HÌNH PHÂN TÍCH

#### Các mô hình phân tích (Analysis Models)

*Mục này là tùy chọn, trình bày các mô hình phân tích để làm rõ các yêu cầu, ví dụ :*

* *Biểu đồ luồng dữ liệu (Data Flow diagram)*
* *Biểu đồ lớp (Class diagram)*
* *Biểu đồ hoạt động (Activity diagram)*
* *Biểu đồ quan hệ thực thể (Entity Relationship diagram)*
* *…*

*Tùy thuộc vào dự án, không nhất thiết phải thể hiện tất cả các loại mô hình.*